

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC KẠN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2021/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 180/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017 của tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư để thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách
bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thành phố (*gọi chung là cấp huyện*), xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết này là căn cứ để các cấp chính quyền địa phương xây dựng, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và địa phương ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; đồng thời, đảm bảo tính đủ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (*chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025*).

3. Nguyên tắc phân vùng dân số được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

a) Vùng đặc biệt khó khăn, gồm: Toàn bộ dân số ở các xã, thị trấn, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*xã, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực I, II*).

b) Vùng khó khăn, gồm: Dân số ở các xã, thị trấn thuộc khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (*không kể dân số các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II*).

c) Vùng đô thị: Bao gồm dân số các đơn vị hành chính phường, thị trấn còn lại (*không kể dân số thị trấn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn*).

d) Vùng khác còn lại: Bao gồm dân số ở các xã thuộc khu vực còn lại.

4. Đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ.

Kinh phí đảm bảo cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp được bố trí từ nguồn chi thường xuyên khác ngoài quỹ tiền lương của đơn vị sử dụng lao động.

Chương II
ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, CÁC CƠ QUAN ĐẢNG,
ĐOÀN THỂ, CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể (các đoàn thể gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Cơ quan Đảng, Đoàn thể, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.	35
b	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân	
-	Từ 35 biên chế trở lên	28,5
-	Từ 21 đến 34 biên chế	29,5
-	Từ 20 biên chế trở xuống	30,5

3. Ngoài định mức chi tại khoản 2 Điều này tính thêm định mức chi phục vụ hoạt động cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao đối với một số đơn vị để đảm bảo thực hiện các hoạt động chuyên môn thường xuyên:

Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan tổng hợp (gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Ban Dân tộc); Thanh tra tỉnh; Thanh tra chuyên ngành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ thanh tra chuyên ngành thuộc các cơ quan tổng hợp); các cơ quan có từ 07 đơn vị trực thuộc trở lên: Tính thêm 0,3 lần định mức quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Chi phục vụ hoạt động tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này bao gồm các nội dung chi sau:

a) Chi thanh toán dịch vụ công cộng (*điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh môi trường*); chi vật tư văn phòng phẩm; chi thông tin, liên lạc (*cước điện thoại, bưu chính, đường truyền Internet, khoán điện thoại, ấn phẩm sách báo*); chi công tác phí; chi cập nhật thông tin và duy trì hoạt động trang Web (*không kể trang Web phục vụ cho tỉnh*), trang thông tin điện tử, kinh phí thuê tên miền và các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

b) Kinh phí thực hiện chế độ nâng lương, ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hằng năm và trước thời hạn.

c) Sửa chữa bảo dưỡng máy móc trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ.

d) Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác chuyên môn;

đ) Kinh phí xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO.

e) Chi hoạt động thanh tra (*không kể kinh phí mua trang phục thanh tra*).

f) Chi phúc lợi tập thể.

g) Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

h) Các nội dung chi khác theo quy định.

5. Bổ sung ngoài định mức

a) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định.

b) Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách. Đối với các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên ổn định, dự toán các năm sau của thời kỳ ổn định ngân sách phân bổ bằng dự toán năm 2022.

Điều 5. Định mức phân bổ đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng/tổ chức/năm

STT	Nội dung	Định mức
a	Đơn vị có dưới 5 biên chế	120
b	Đơn vị có từ 5 biên chế đến dưới 10 biên chế	220
c	Đơn vị có từ 10 biên chế trở lên	320
d	Bổ sung thêm một số nhiệm vụ đặc thù	
-	Xuất bản Tạp chí Văn nghệ Ba Bể	545
-	Tạp chí Văn nghệ Ba Bể Online	60
-	Đề án hỗ trợ sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật thực hiện theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ	90
-	Xuất bản báo đặc san Người làm báo Bắc Kạn	220
-	Hỗ trợ sáng tạo tác phẩm báo chí chất lượng cao thực hiện theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ	30
-	Bổ sung thêm kinh phí cho công tác tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện	50
-	Kinh phí đưa nạn nhân chất độc da cam đi nuôi dưỡng, xông hơi giải độc và phục hồi chức năng tại trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc Hội nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin Việt Nam	120
-	Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Bắc Kạn; Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Kạn	Bố trí kinh phí theo kế hoạch triển khai thực hiện của cấp có thẩm quyền và khả năng ngân sách của tỉnh

Kết thúc năm ngân sách, các tổ chức hội nêu trên không triển khai hết nhiệm vụ, còn dư kinh phí phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước.

3. Riêng Liên minh Hợp tác xã tỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo khoản 1, điểm b khoản 2, điểm a, điểm c khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

Điều 6. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục; khoa học và công nghệ; văn hóa thông tin, thể dục thể thao; phát thanh, truyền hình; sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp bảo vệ môi trường; sự nghiệp khác

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Sự nghiệp giáo dục	25
b	Sự nghiệp khoa học và công nghệ; văn hóa thông tin, thể dục thể thao; phát thanh, truyền hình; sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp bảo vệ môi trường; sự nghiệp khác	
-	Từ 35 biên chế trở lên	20
-	Từ 21 đến 34 biên chế	21
-	Từ 20 biên chế trở xuống	22

Định mức chi hoạt động nêu trên bao gồm toàn bộ các khoản chi thường xuyên nhằm đảm bảo duy trì hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; chưa tính đến nguồn thu phí, thu sự nghiệp và thu khác hằng năm phát sinh tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Bổ sung ngoài định mức

a) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định;

b) Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh; Trường Trung học phổ thông chuyên Bắc Kạn; Trường Trung học phổ thông Bắc Kạn: 150 triệu đồng/trường/năm.

- Các trường Trung học phổ thông còn lại: 100 triệu đồng/trường/năm.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục hướng nghiệp tỉnh Bắc Kạn; Trung tâm Giáo dục trẻ em khuyết tật tỉnh Bắc Kạn: 50 triệu đồng/đơn vị/năm.

c) Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách. Đối với các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên ổn định, dự toán các năm sau của thời kỳ ổn định ngân sách phân bổ bằng dự toán năm 2022.

4. Định mức chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Phân bổ tối thiểu bằng mức Trung ương giao cho địa phương hằng năm, bao gồm kinh phí tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Phân bổ tối thiểu 1% tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh theo dự toán hằng năm, bao gồm kinh phí tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

6. Khi cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục dịch vụ, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, hằng năm căn cứ nhu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách, nhà nước sẽ chuyển sang thực hiện đặt hàng với các đơn vị cung cấp dịch vụ theo đơn giá được phê duyệt.

Điều 7. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế

1. Đối với hệ khám bệnh, chữa bệnh:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí trong trường hợp đơn vị sự nghiệp chưa tự đảm bảo được kinh phí chi thường xuyên đối với các khoản chi phí đã kết cấu trong đơn giá.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần kinh phí chưa được kết cấu trong đơn giá dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, gồm:

Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao: 19 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Đối với hệ dự phòng (*bao gồm cả trạm y tế xã, phường, thị trấn*), y tế khác:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo chi tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp theo chế độ quy định đối với số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

b) Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao: 20 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Định mức chi hoạt động tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này bao gồm toàn bộ các khoản chi thường xuyên, chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm thay thế trang thiết bị thường xuyên hằng năm (*trừ việc mua sắm trang thiết bị theo các chương trình, đề án, dự án, trang thiết bị chuyên dùng*) nhằm đảm bảo duy trì hoạt động của các đơn vị.

4. Định mức phân bổ tại khoản 1, khoản 2 Điều này chưa tính đến nguồn thu của đơn vị, cụ thể:

a) Nội dung hỗ trợ tại khoản 1 Điều này chưa tính đến nguồn thu khác (*ngoài thu khám bệnh, chữa bệnh*) để lại của đơn vị sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước, chi phí trực tiếp liên quan đến nguồn thu khác và trích cải cách tiền lương.

b) Nội dung hỗ trợ tại khoản 2 Điều này chưa tính đến nguồn thu để lại của đơn vị sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước, chi phí trực tiếp liên quan đến nguồn thu và trích cải cách tiền lương.

5. Bổ sung ngoài định mức

a) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo chế độ quy định.

b) Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách. Đối với các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên ổn định, dự toán các năm sau của thời kỳ ổn định ngân sách phân bổ bằng dự toán năm 2022.

6. Ngân sách địa phương phân bổ cho hệ thống y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác.

Điều 8. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao và chỉ tiêu số lượng học sinh, sinh viên theo kế hoạch được giao như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
a	Trường Cao đẳng Bắc Kạn		
-	Hệ cao đẳng	Triệu đồng/sinh viên/năm	6,5
-	Hệ trung cấp	Triệu đồng/học viên/năm	6,3
-	Hệ thường xuyên cho học sinh tham gia học nghề	Triệu đồng/học sinh/tháng	0,067
b	Trường Chính trị		
-	Định mức phục vụ hoạt động quản lý	Triệu đồng/biên chế/năm	23
-	Định mức chi phí trực tiếp cho hoạt động đào tạo trung cấp lý luận chính trị	Triệu đồng/học viên/tháng	0,15

Định mức phân bổ nêu trên chưa tính đến nguồn thu học phí, thu sự nghiệp và thu khác hằng năm phát sinh tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Khi cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục dịch vụ, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước, hằng năm căn cứ nhu cầu đào tạo và khả năng ngân sách, nhà nước sẽ chuyển sang thực hiện đặt hàng với các đơn vị cung cấp dịch vụ theo đơn giá được phê duyệt.

4. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác: Phân bổ theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo trên cơ sở các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

5. Bổ sung ngoài định mức

a) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định.

b) Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách. Đối với các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên ổn định, dự toán các năm sau của thời kỳ ổn định ngân sách phân bổ bằng dự toán năm 2022.

Điều 9. Định mức phân bổ cho đối tượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ

1. Đảm bảo đủ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Lái xe	15
b	Công việc khác	7

3. Trường hợp các đơn vị chuyển sang thuê khoán đối với một số vị trí của công việc khác (*dịch vụ vệ sinh, nấu ăn*) theo ngày, giờ (*khi cấp có thẩm quyền không giao biên chế đối với hợp đồng công việc khác theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ*), mức kinh phí phân bổ: 20 triệu đồng/người/năm (*số lượng người tại mỗi đơn vị tối đa bằng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trước đó*).

Điều 10. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng

1. Hỗ trợ kinh phí cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự thường xuyên ổn định của tỉnh, số tiền 9,2 tỷ đồng/năm;

2. Ngoài khoản 1 Điều này, bổ sung thêm kinh phí: Đảm bảo trang phục dân quân tự vệ, công tác huấn luyện quân dự bị động viên, Hội thao quốc phòng cho lực lượng dân quân tự vệ; kinh phí do tăng quân số, mức lương cơ sở, mức tiền ăn cơ bản; các nhiệm vụ đột xuất phát sinh quan trọng, cấp thiết được cấp có thẩm quyền giao theo khả năng cân đối ngân sách.

Điều 11. Định mức phân bổ dự toán chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Hỗ trợ kinh phí cho Công an tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên ổn định về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy của tỉnh, số tiền 8 tỷ đồng/năm.

2. Ngoài khoản 1 Điều này, bổ sung thêm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh quan trọng, cấp thiết được cấp có thẩm quyền giao theo khả năng cân đối ngân sách.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 12. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể (các đoàn thể gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh)

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ	
		Cấp huyện	Cấp xã
a	Cơ quan Đảng, đoàn thể, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân	32	23
b	Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân	29	

3. Định mức chi phục vụ hoạt động nêu trên bao gồm:

a) Chi thanh toán dịch vụ công cộng (*điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh môi trường*); chi vật tư văn phòng phẩm; chi thông tin, liên lạc (*cước điện thoại, bưu chính, đường truyền Internet, khoán điện thoại, ấn phẩm sách báo*); chi Công tác phí; chi cập nhật thông tin và duy trì hoạt động trang Web, trang thông tin điện tử, kinh phí thuê tên miền và các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

b) Kinh phí thực hiện chế độ nâng lương, ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hằng năm và trước thời hạn.

- c) Sửa chữa bảo dưỡng máy móc trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ.
- d) Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác chuyên môn
- đ) Kinh phí xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO.
- e) Chi hoạt động thanh tra (*không kể kinh phí mua trang phục thanh tra*).
- f) Chi phúc lợi tập thể.
- g) Quỹ thi đua khen thưởng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

h) Các nội dung chi khác theo quy định.

4. Bổ sung ngoài định mức

a) Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chính trị của các huyện, thành phố:

Thành phố Bắc Kạn, huyện Pác Nặm 3.200 triệu đồng/huyện, thành phố/năm; huyện Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể 3.100 triệu đồng/huyện/năm; huyện Chợ Mới, Ngân Sơn, Bạch Thông 3.000 triệu đồng/huyện/năm.

b) Kinh phí hoạt động chung của cấp xã tính theo số thôn, tổ dân phố thuộc xã: 10 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm.

c) Kinh phí chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã:

Cấp huyện: 350 triệu đồng/huyện/năm; cấp xã: 80 triệu đồng/xã/năm.

d) Kinh phí thực hiện thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”:

- Chi đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: Đối với các xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; các xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ 25 triệu đồng/năm/xã. Đối với các xã thuộc vùng còn lại 20 triệu đồng/năm/xã.

- Chi hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư: 05 triệu đồng/khu dân cư/năm.

Đối với các khu dân cư của các xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn và vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Ngoài mức hỗ trợ theo quy định trên thì được bố trí thêm 1 triệu đồng/khu dân cư/năm.

đ) Kinh phí thực hiện: Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách cho đội công tác xã hội tình nguyện; chính sách cho người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù.

5. Kinh phí chi phục vụ hoạt động cho Đội viên của Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 (Đề án 500): Bằng mức chi phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Tính đủ kinh phí thực hiện Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 13. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Bậc mầm non	23
b	Bậc tiểu học	24
c	Bậc trung học cơ sở	24
d	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	24

Định mức chi hoạt động nêu trên chưa tính đến nguồn thu học phí, kinh phí cấp bù học phí, thu sự nghiệp và thu khác hằng năm.

3. Bổ sung ngoài định mức

a) Kinh phí chi các hoạt động đặc thù của ngành giáo dục:

Huyện Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể 1.300 triệu đồng/huyện/năm; huyện Chợ Mới, Pác Nặm 1.200 triệu đồng/huyện/năm; thành phố Bắc Kạn, huyện Ngân Sơn, Bạch Thông 1.100 triệu đồng/huyện, thành phố/năm.

b) Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất (*không bao gồm trường Phổ thông dân tộc nội trú*): 0,2 triệu đồng/học sinh/năm.

c) Chi đặc thù của trường Phổ thông dân tộc nội trú:

- Kinh phí tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 1,5 triệu đồng/nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục/năm.

- Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất: 100 triệu đồng/trường/năm.

d) Kinh phí thực hiện: Chế độ đối với học sinh đang học tại trường phổ thông dân tộc nội trú; Chính sách phát triển giáo dục mầm non; Chính sách hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người; Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 14. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề; văn hóa thông tin, thể dục thể thao; phát thanh truyền hình; sự nghiệp khác

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao: 20 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Bổ sung ngoài định mức

a) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

- Trung tâm học tập cộng đồng: 23 triệu đồng/trung tâm/năm.

- Hỗ trợ kinh phí chi sự nghiệp đào tạo cho huyện, thành phố để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 70 triệu đồng/huyện/năm.

b) Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cấp huyện: 250 triệu đồng/huyện/năm.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cấp xã: Xã có dưới 800 hộ dân 20 triệu đồng/xã/năm; xã có từ 800 hộ dân đến dưới 1.200 hộ dân 25 triệu đồng/xã/năm; xã có từ 1.200 hộ dân đến dưới 1.500 hộ dân 30 triệu đồng/xã/năm; xã có từ 1.500 hộ dân trở lên 35 triệu đồng/xã/năm.

c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cấp huyện: 100 triệu đồng/huyện/năm.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cấp xã: Xã có Đài truyền thanh cơ sở có dưới 10 thôn, tổ dân phố: 15 triệu đồng/xã/năm; xã có đài truyền thanh cơ sở có từ 10 thôn, tổ dân phố trở lên: 18 triệu đồng/xã/năm.

4. Đối với Hội Chữ thập đỏ huyện, được tính đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với biên chế được cấp có thẩm quyền giao; ngoài ra được tính chi phục vụ hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Khi cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục dịch vụ, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước, hằng năm căn cứ nhu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách, nhà nước sẽ chuyển sang thực hiện đặt hàng với các đơn vị cung cấp dịch vụ theo đơn giá được phê duyệt.

Điều 15. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế

Đảm bảo kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo chế độ quy định.

Điều 16. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Phân bổ trong dự toán ngân sách địa phương hằng năm trên cơ sở nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ được tỉnh giao.

Điều 17. Định mức phân bổ cho đối tượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ

1. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và các khoản phụ cấp khác theo quy định.

2. Định mức chi phục vụ hoạt động tính cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Lái xe	15
b	Công việc khác	7

3. Trường hợp các đơn vị chuyển sang thuê khoán đối với một số vị trí của công việc khác (*dịch vụ vệ sinh, nấu ăn*) theo ngày, giờ (*khi cấp có thẩm quyền không giao biên chế đối với hợp đồng công việc khác theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ*), mức kinh phí phân bổ 20 triệu đồng/người/năm (*số lượng người tại mỗi đơn vị tối đa bằng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trước đó*).

Điều 18. Định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội

1. Phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: Đồng/người dân/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Vùng đặc biệt khó khăn	75.493
b	Vùng khó khăn	68.187
c	Vùng đô thị	42.126
d	Vùng khác còn lại	46.138

Định mức trên đã bao gồm các chế độ, chính sách do cấp tỉnh ban hành như: Kinh phí trợ cấp, cứu trợ đột xuất; kinh phí chúc thọ, mừng thọ; kinh phí thăm hỏi các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

2. Bổ sung ngoài định mức như sau:

- a) Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- b) Kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định hiện hành.
- c) Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

Điều 19. Định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng

1. Phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: Đồng/người/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Vùng đặc biệt khó khăn	88.893
b	Vùng khó khăn	71.871
c	Vùng đô thị	46.894
d	Vùng khác còn lại	56.741

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách.

2. Bổ sung ngoài định mức như sau:

- a) Kinh phí thực hiện chính sách theo Luật Dân quân tự vệ.
- b) Hỗ trợ công tác dân quân tự vệ cấp xã: 25 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với các huyện, thành phố có tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ theo kế hoạch tỉnh giao, ngân sách tỉnh hỗ trợ theo khả năng cân đối ngân sách.

Điều 20. Định mức phân bổ dự toán chi an ninh

1. Phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: Đồng/người/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Vùng đặc biệt khó khăn	20.088
b	Vùng khó khăn	18.205
c	Vùng đô thị	15.564
d	Vùng khác còn lại	15.066

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách.

2. Bổ sung ngoài định mức như sau:

Hỗ trợ an ninh, trật tự, an toàn cấp xã: 22 triệu đồng/xã/năm.

Điều 21. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp kinh tế

1. Chi hoạt động bộ máy theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

2. Phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: Đồng/người/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a	Vùng đặc biệt khó khăn	438.200
b	Vùng khó khăn	328.650
c	Vùng đô thị	260.750
d	Vùng khác còn lại	219.100

3. Bổ sung ngoài định mức như sau:

a) Phân bổ cho thành phố Bắc Kạn (*đô thị loại III theo Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền*): 24.000 triệu đồng/năm.

b) Thực hiện các chính sách:

- Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.
- Hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c) Hỗ trợ hoạt động kinh tế cấp xã: 25 triệu đồng/xã/năm.

Điều 22. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Phân bổ cho các huyện, thành phố như sau: Thành phố Bắc Kạn 10.000 triệu đồng/năm; huyện Chợ Đồn: 3.500 triệu đồng/năm; huyện Ba Bể 3.000 triệu đồng/năm; các huyện: Chợ Mới, Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông, Pác Nặm 2.000 triệu đồng/huyện/năm.

Điều 23. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác

Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ nêu trên (*từ Điều 12 đến Điều 22*).

Điều 24. Tiêu chí bổ sung

1. Đối với huyện có dân số dưới 32 nghìn dân, được phân bổ thêm 20% số chi tính theo định mức dân số đối với lĩnh vực đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh, sự nghiệp kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 21 của Quy định này.

2. Đối với huyện có dân số từ 32 nghìn dân đến dưới 34 nghìn dân, được phân bổ thêm 15% số chi tính theo định mức dân số đối với lĩnh vực đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh, sự nghiệp kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 21 của Quy định này.

3. Đối với huyện có dân số từ 34 nghìn dân đến dưới 40 nghìn dân, được phân bổ thêm 10% số chi tính theo định mức dân số đối với lĩnh vực đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh, sự nghiệp kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 21 của Quy định này.

4. Riêng thành phố Bắc Kạn được phân bổ thêm 50% số chi tính theo định mức dân số đối với lĩnh vực đảm bảo xã hội, quốc phòng, an ninh, sự nghiệp kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 21 của Quy định này.

Điều 25. Dự phòng ngân sách

- Bố trí dự phòng ngân sách từ 2% đến 4% tổng chi cân đối ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

- Khi các văn bản quy định về các chế độ, chính sách để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.